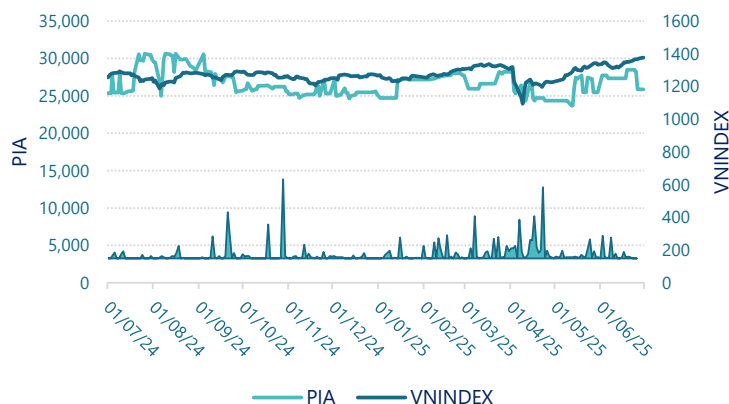


CTCP Tin học Viễn thông Petrolimex (HNX: PIA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	27,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,635
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,688
SL cổ phiếu LH	3,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	200
% sở hữu nước ngoài	11.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	107
P/E	9.2
EPS	2,982

DT thuần

Q2/25

32.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.8 | 49.1%

YoY: ▼20.0 | -37.7%

LN sau thuế

Q2/25

4.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.58 | 316%

YoY: ▼1.23 | -21.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

15.5%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

6T 2025

55.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.7 | -21.1%

LN sau thuế

6T 2025

2.41

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.33 | -49.1%

ROE

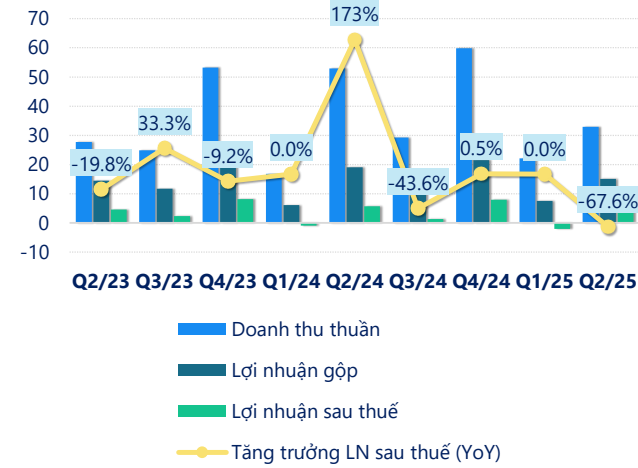
Q2/25

18.4%

+/- YoY: ▼ 6.4%

tỷ VNĐ

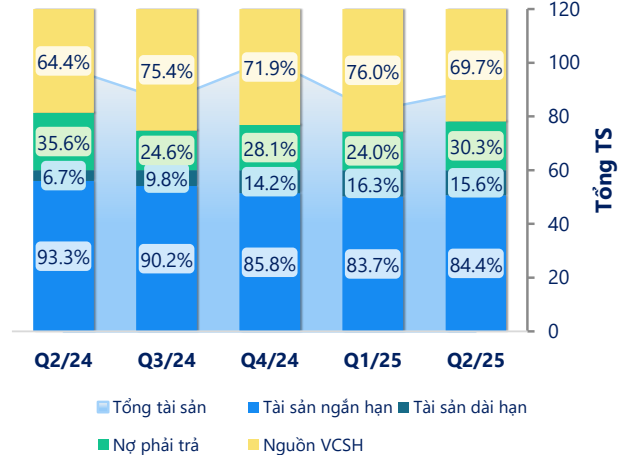
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

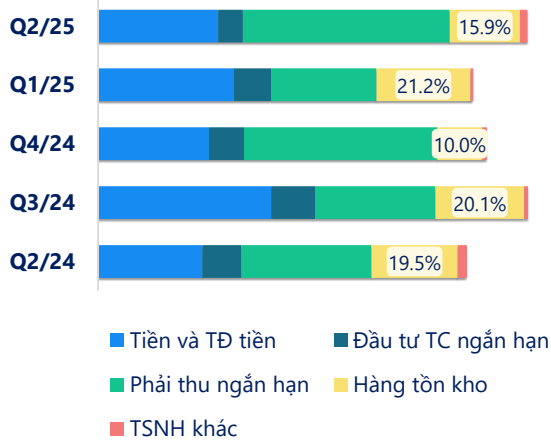
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



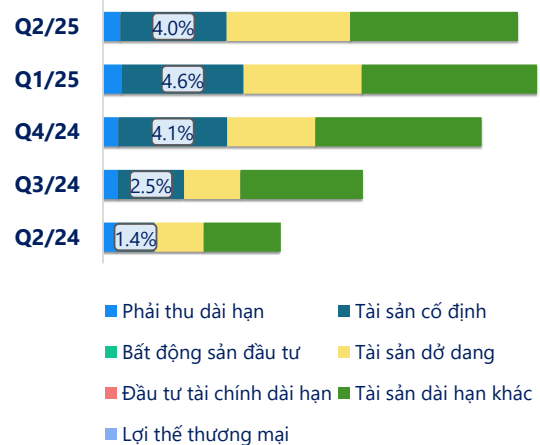
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

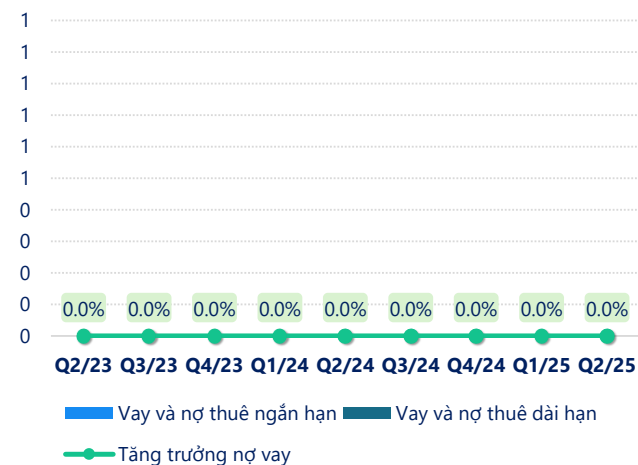
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

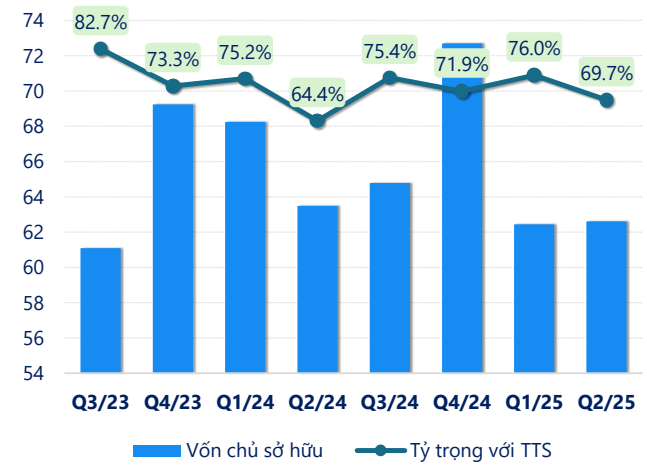
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

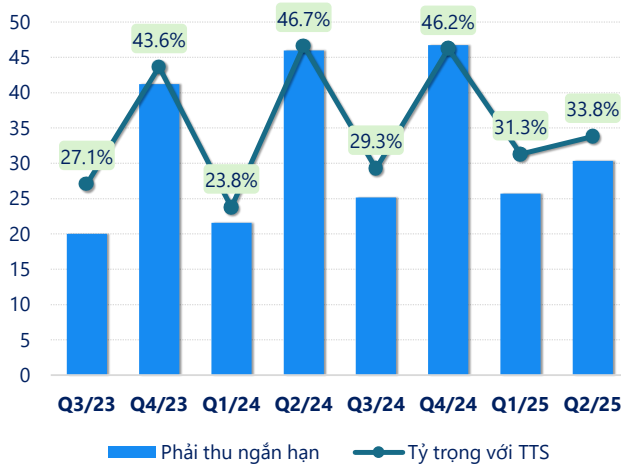
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

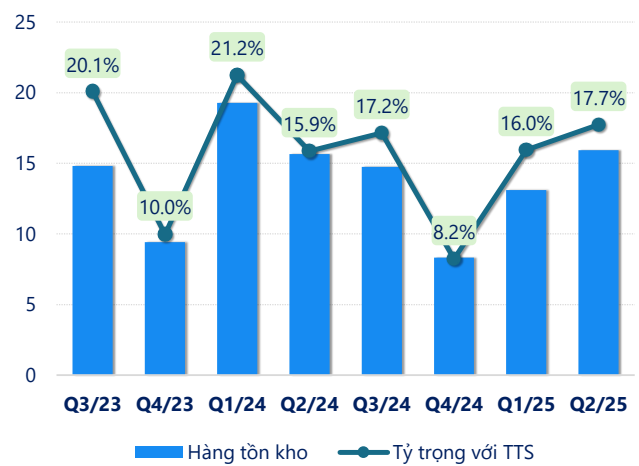
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

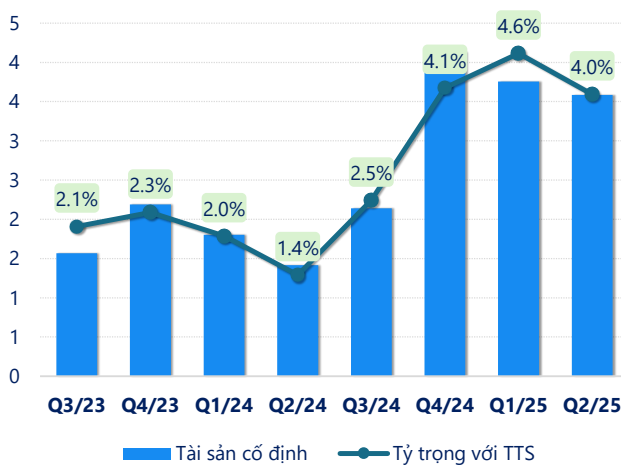
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

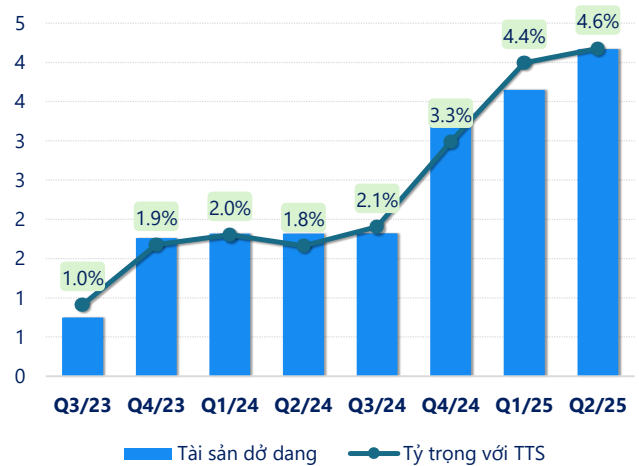
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

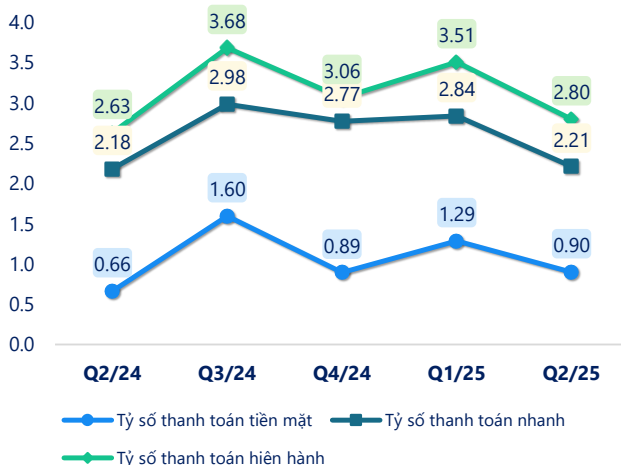
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



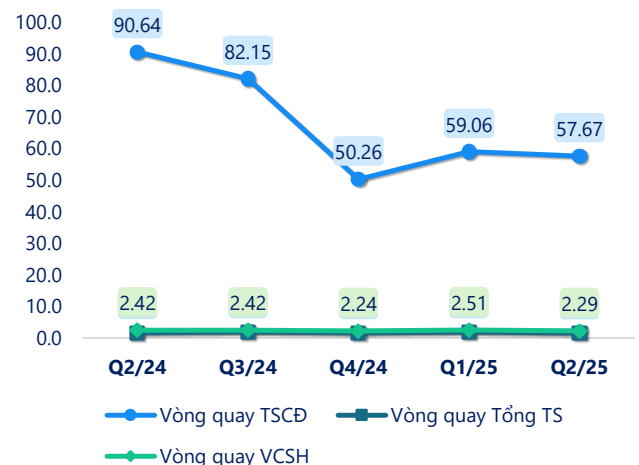
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	98.6	85.9	101	82.2	89.8
Tài sản ngắn hạn	92.0	77.5	86.7	68.8	75.8
Tiền và tương đương tiền	23.2	33.6	25.3	25.2	24.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.50	3.18	3.24	3.24	3.31
Phải thu ngắn hạn	46.0	25.1	46.7	25.7	30.3
Hàng tồn kho	15.6	14.7	8.32	13.1	15.9
Tài sản ngắn hạn khác	1.66	0.90	3.14	1.50	1.87
Tài sản dài hạn	6.59	8.41	14.4	13.4	14.0
Phải thu dài hạn	0.50	0.48	0.59	0.59	0.59
Tài sản cố định	1.41	2.14	4.13	3.76	3.59
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.82	1.82	3.36	3.65	4.17
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.86	3.96	6.33	5.42	5.67
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	35.1	21.2	28.4	19.7	27.2
Nợ ngắn hạn	35.0	21.0	28.3	19.6	27.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	18.2	10.6	16.6	6.94	10.0
Nợ dài hạn	0.12	0.12	0.12	0.12	0.12
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	63.5	64.8	72.7	62.4	62.6
Vốn chủ sở hữu	63.5	64.8	72.7	62.4	62.6
Vốn điều lệ	39.0	39.0	39.0	39.0	39.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)